

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright

Học kỳ Thu

KINH TẾ HỌC VI MÔ DÀNH CHO CHÍNH SÁCH CÔNG

Bài tập 2

Ngày nộp bài: 8:20 thứ Năm 16/12/2021

Câu 1. Ứng dụng lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng.

Mỗi tháng anh Tâm chi 1.800 ngàn đồng cho hoạt động giải trí và bơi lội. Hàm hữu dụng thể hiện sở thích bơi lội và các hoạt động giải trí khác của anh Tâm là $U(x,y) = x^{1/3}y^{2/3}$. Trong đó, x là số lần bơi/tháng và y là số tiền chi cho các hoạt động giải trí khác (ngàn đồng). Giá vé bơi mỗi lần (P_x) là 60 ngàn đồng.

1. Anh Tâm sẽ bơi bao nhiêu lần mỗi tháng?
2. Độ thỏa dụng anh Tâm đạt được từ hoạt động giải trí và bơi lội là bao nhiêu?
3. Câu lạc bộ bơi lội thu được tiền vé từ anh Tâm bao nhiêu mỗi tháng?

Ban Quản lý Câu lạc bộ bơi lội phát triển thêm phương thức phục vụ mới. Ngoài phương thức bán vé lẻ như trên, Ban Quản lý mời khách hàng tham gia hội viên của câu lạc bộ. Theo phương thức này, hội viên phải đóng hội phí 300 ngàn đồng/tháng; bù lại, hội viên chỉ phải trả giá vé chỉ bằng một phần ba so với trước, tức chỉ 20 ngàn đồng/vé. Nếu anh Tâm là hội viên của câu lạc bộ bơi lội, thì:

4. Anh Tâm sẽ bơi bao nhiêu lần mỗi tháng?
5. Độ thỏa dụng anh Tâm đạt được từ hoạt động giải trí và bơi lội là bao nhiêu?
6. Câu lạc bộ bơi lội thu được tiền hội phí và tiền vé từ anh Tâm bao nhiêu mỗi tháng?
7. Có chắc chắn anh Tâm sẽ tham gia hội viên của Câu lạc bộ bơi lội? Vì sao?
8. Nếu hầu hết khách hàng của Câu lạc bộ bơi lội đều có sở thích và thu nhập tương đương như anh Tâm thì Ban Quản lý Câu lạc bộ có tăng cường quảng bá để phát triển phương thức phục vụ mới không? Giải thích.
9. Trên một đồ thị, với trục hoành là số vé bơi (x) và trục tung là số tiền chi cho các hoạt động giải trí khác (y), anh/ chị hãy vẽ đường ngân sách, đường đẳng ích và chỉ ra điểm lựa chọn tối ưu của anh Tâm trong hai trường hợp trước và sau khi trở thành hội viên của câu lạc bộ bơi lội.

Câu 2. Chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây thể hiện tổng chi phí cố định tương ứng với 3 quy mô sản xuất của một doanh nghiệp và tổng chi phí biến đổi theo sản lượng ứng với các quy mô sản xuất này.

Quy mô sản xuất	TFC (triệu đồng)	TVC (triệu đồng)		
		Q ₁ = 20 sản phẩm/tháng	Q ₂ = 40 sản phẩm/tháng	Q ₃ = 60 sản phẩm/tháng
1	6.000	2.000	5.000	12.000
2	7.000	1.800	3.800	10.800
3	8.000	1.200	3.600	8.400

1. Đối với mỗi quy mô sản xuất, anh/ chị hãy tính tổng chi phí của doanh nghiệp để sản xuất các mức sản lượng Q_1 , Q_2 và Q_3 .
2. Để lựa chọn quy mô sản xuất hiệu quả đòi hỏi chủ doanh nghiệp phải dự báo khả năng bán hàng. Doanh nghiệp sẽ lựa chọn quy mô nào tương ứng với các mức sản lượng Q_1 , Q_2 và Q_3 .
3. Giả sử, doanh nghiệp đã đầu tư quy mô 2 nhưng hiện giờ thị phần bị sụt giảm, chỉ còn sản xuất 20 sản phẩm/tháng. Anh/chị hãy tính chi phí sản xuất trung bình cho mỗi sản phẩm.
4. Giả sử, doanh nghiệp đã đầu tư quy mô 2 nhưng hiện giờ thị phần tăng, sản xuất 60 sản phẩm/tháng. Anh/chị hãy tính chi phí sản xuất trung bình cho mỗi sản phẩm.
5. Trên một đồ thị, anh/ chị hãy vẽ đường chi phí trung bình dài hạn (LAC) và đường chi phí trung bình ngắn hạn (SAC) tương ứng với quy mô 2.

Câu 3. *Hoạt động của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo*

Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng chi phí trong ngắn hạn là $TC = q^2 + 20q + 1600$. Đơn vị tính của q là sản phẩm, của TC là triệu đồng.

1. Nếu giá thị trường là $P = 120$ triệu đồng/sp thì mức sản lượng sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp là bao nhiêu?
2. Nếu giá thị trường giảm, chỉ còn 60 triệu đồng/sp thì doanh nghiệp sản xuất hay đóng cửa? Lúc ấy lời hay lỗ của doanh nghiệp là bao nhiêu?
3. Giá thị trường bao nhiêu thì doanh nghiệp có lời?
4. Giá thị trường bao nhiêu thì doanh nghiệp chắc chắn sẽ đóng cửa? Nếu quyết định đóng cửa thì doanh nghiệp có bị lỗ không? Nếu có thì lỗ bao nhiêu?